

**CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ**



QUY TRÌNH

TÀU BIỂN HOẠT ĐỘNG TUYẾN NỘI ĐỊA RỜI CẢNG BIỂN VÀ TÀU BIỂN ĐÃ NHẬP CẢNH SAU ĐÓ RỜI CẢNG ĐỂ ĐẾN CẢNG BIỂN KHÁC CỦA VIỆT NAM (BAO GỒM CẢ TÀU QUÂN SỰ, TÀU CÔNG VỤ, TÀU NGẦM, TÀU LẶN, KHO CHỨA NỒI, GIÀN DI ĐỘNG, THỦY PHI CƠ, PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA MANG CẤP VR-SB VÀ CÁC PHƯƠNG TIỆN THỦY KHÁC KHÔNG QUY ĐỊNH TẠI CÁC KHOẢN 2, 3 ĐIỀU 72 NGHỊ ĐỊNH 58/2017/NĐ-CP)

MÃ SỐ : QT.PC.07
LẦN BAN HÀNH : 01
NGÀY BAN HÀNH : 30/10/2020



Cần Thơ, tháng 10 năm 2020


MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Trịnh Quốc Dân	Nguyễn Việt Tiến	Võ Minh Tiến
Chữ ký			
Chức vụ	Trưởng phòng	Phó Giám đốc	Giám đốc



 VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN HOẠT ĐỘNG TUYÊN NỘI ĐỊA RỜI CẢNG BIỂN VÀ TÀU BIỂN ĐÃ NHẬP CẢNH SAU ĐÓ RỜI CẢNG ĐỂ ĐẾN CẢNG BIỂN KHÁC CỦA VIỆT NAM	Mã số: QT.PC.07
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 30/10/2020

1. MỤC ĐÍCH


Quy trình này quy định thống nhất biểu mẫu, trình tự thực hiện thủ tục đối với tàu biển hoạt động tuyến nội địa rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam thuộc địa phận các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, vùng nước các cảng biển trên sông Hậu thuộc địa phận các tỉnh Hậu Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, thành phố Cần Thơ và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ nhằm nâng cao trách nhiệm của cán bộ nghiệp vụ, rút ngắn thời gian làm thủ tục, tạo thuận lợi tối đa cho các tổ chức và cá nhân liên quan.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Quy trình này áp dụng cho phòng Pháp chế, Đại diện CVHHCT tại Trà Vinh trong việc thực hiện thủ tục đối với tàu biển hoạt động tuyến nội địa rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam thuộc địa phận các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, vùng nước các cảng biển trên sông Hậu thuộc địa phận các tỉnh Hậu Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, thành phố Cần Thơ và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ.

3. CƠ SỞ TÀI LIỆU VIỆN DẪN:

- Bộ Luật hàng hải Việt Nam ban hành ngày 25/11/2015;
- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;
- Nghị định số 142/2017/NĐ-CP ngày 11/12/2017 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông hàng hải;
- Thông tư 03/2020/TT-BGTVT ngày 21/02/2020 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn, đào tạo, huấn luyện thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam;
- Thông tư 261/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải;
- Thông tư số 09/2011/TT-BNV ngày 03/6/2011 của Bộ Nội vụ về việc thời hạn bảo quản hồ sơ tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan tổ chức.
- Thông tư 90/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải và Thông tư số 17/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí hàng hải
- Thông tư 55/2019/TT-BGTVT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về danh mục giấy chứng nhận và tài liệu của tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động Việt Nam;

 VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN HOẠT ĐỘNG TUYÊN NỘI ĐỊA RỜI CẢNG BIỂN VÀ TÀU BIỂN ĐÃ NHẬP CẢNG SAU ĐÓ RỜI CẢNG ĐỂ ĐẾN CẢNG BIỂN KHÁC CỦA VIỆT NAM	Mã số:	QT.PC.07
		Lần ban hành:	01
		Ngày ban hành:	30/10/2020

- Quyết định số 57/2005/BGTVT ngày 28/10/2005 của Bộ Giao thông vận tải về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ hàng hải;

- Quyết định số 245/QĐ-CVHHCT ngày 25/10/2020 của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ ban hành Nội quy các cảng biển thuộc địa phận địa phận các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng; các cảng biển trên sông Hậu thuộc địa phận các tỉnh Hậu Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, thành phố Cần Thơ và khu vực quản lý của CVHHCT.

4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT:


4.1 Định nghĩa và giải thích từ ngữ

- Định nghĩa: Không áp dụng.
- Giải thích từ ngữ:
- Người có thẩm quyền: Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách, người được ủy quyền.
- Người làm thủ tục: là chủ tàu hoặc người quản lý tàu, người thuê tàu, người khai thác tàu, thuyền trưởng hoặc người được uỷ quyền.
- Cán bộ kế hoạch, cán bộ thủ tục là viên chức pháp chế tại nơi tiến hành thủ tục, là người được Trưởng phòng Pháp chế, Trưởng Đại diện phân công tiếp nhận, tham mưu giải quyết những công việc liên quan đến hoạt động hàng hải trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của CVHHCT.
- Giấy phép rời cảng là văn bản do Cảng vụ hàng hải hoặc cơ quan có thẩm quyền nơi tàu thuyền rời cảng cuối cùng cấp hoặc xác nhận.

4.2 Chữ viết tắt

- BLHHVN: Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015;
- ND58: Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017;
- ND142: Nghị định số 142/2017/NĐ-CP ngày 11/12/2017;
- ND147: Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018;
- TT09: Thông tư số 09/2011/TT-BNV ngày 03/6/2011
- TT03: Thông tư số 03/2020/TT-BGTVT ngày 21/02/2020;
- TT23: Thông tư số 23/2017/TT-BGTVT ngày 28/7/2017;
- TT90: Thông tư số 90/2019/TT-BTC ngày 31/11/2019;
- TT261: Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016;
- TT55: Thông tư số 55/2019/TT-BGTVT ngày 31/12/2019;
- CVHHCT: Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ;
- ĐDCVHHCT: Đại diện Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ;
- HTDVCTT: Hệ thống dịch vụ công trực tuyến tàu thuyền vào, rời cảng biển

5. NỘI DUNG

 VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN HOẠT ĐỘNG TUYÊN NỘI ĐỊA RỜI CẢNG BIỂN VÀ TÀU BIỂN ĐÃ NHẬP CẢNG SAU ĐÓ RỜI CẢNG ĐỂ ĐẾN CẢNG BIỂN KHÁC CỦA VIỆT NAM	Mã số:	QT.PC.07
		Lần ban hành:	01
		Ngày ban hành:	30/10/2020

5.1 Cơ sở pháp lý


- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

5.2. Thành phần, số lượng hồ sơ.

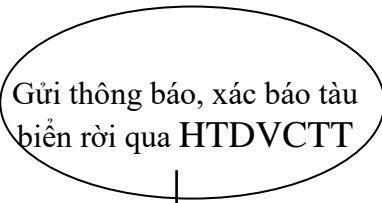
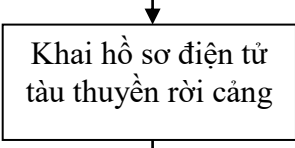
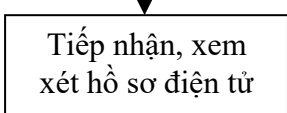
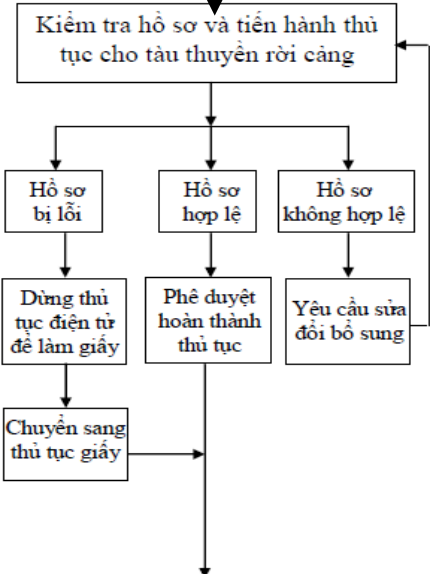
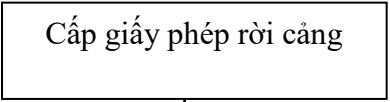
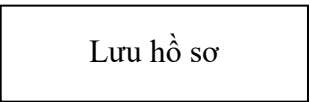
TT	Thành phần hồ sơ phải nộp	Số lượng	Ghi chú
1	Thông báo tàu rời cảng BM.PC.07- Mẫu số 57 Phụ lục I -NĐ58	01 bộ	
2	Bản khai chung BM.PC.07 - Mẫu số 42 Phụ lục I -NĐ58		
3	Danh sách thuyền viên BM.PC.07 - Mẫu số 47 Phụ lục I -NĐ58		
4	Danh sách hành khách (nếu có) BM.PC.07 - Mẫu số 48 Phụ lục - NĐ58		


5.3. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Trụ sở chính hoặc văn phòng đại diện của CVHHCT	Chậm nhất 01 giờ, kể từ khi người làm thủ tục hoàn thành thủ tục khai báo, nộp và xuất trình đầy đủ các giấy tờ theo quy định.	TT90 và TT261

	QUY TRÌNH	Mã số: QT.PC.07
	THỦ TỤC TÀU BIỂN HOẠT ĐỘNG TUYÊN NỘI ĐỊA RỜI CẢNG BIỂN VÀ TÀU BIỂN ĐẢ NHẬP CẢNG SAU ĐÓ RỜI CẢNG ĐỂ ĐẾN CẢNG BIỂN KHÁC CỦA VIỆT NAM	Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 30/10/2020

5.4. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu /Kết quả	Diễn giải
B1		Người làm thủ tục	02 giờ trước khi tàu biển rời	BM.PC.07- Mẫu số 57 -NĐ58	Thông báo tàu rời cảng theo Điều 87, NĐ58. - Xác báo tàu rời cảng theo Điều 88, NĐ58.
B2		Người làm thủ tục	02 giờ trước khi tàu biển rời	BM.PC.07- Mẫu số 57,42, 47,48 -NĐ58	Người làm thủ tục nộp, xuất trình theo Điều 96, NĐ 58
B3		Cán bộ kế hoạch			Cán bộ kế hoạch tiếp nhận, xem xét hồ sơ lập kế hoạch rời biển chuyển hồ sơ đến cán bộ thủ tục
B4		Cán bộ thủ tục Cán bộ thủ tục	Không quá 01 giờ	BM.PC.07- Mẫu số 57,42, 47,48 -NĐ58	Cán bộ thủ tục tiếp nhận, xử lý giải quyết hồ sơ theo Điều 71 và khoản 3 Điều 96 NĐ58.
B5				BM.PC.07 Mẫu số 58 -NĐ58	GPRC phải được chấp thuận của người có thẩm quyền
B6		Cán bộ thủ tục		BM.PC.06- Mẫu số 42,47,48 - NĐ58	Hoàn chỉnh hồ sơ tàu, vào các sổ sách, bảng biểu, phần mềm thống kê

 VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN HOẠT ĐỘNG TUYẾN NỘI ĐỊA RỜI CẢNG BIỂN VÀ TÀU BIỂN ĐẢ NHẬP CẢNG SAU ĐÓ RỜI CẢNG ĐỂ ĐẾN CẢNG BIỂN KHÁC CỦA VIỆT NAM	Mã số: QT.PC.07
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 30/10/2020

Chú ý: Hiện tại phương tiện thủy nội mang cấp VR-SB chưa thực hiện được khoản 1 điều 83-NĐ58. Người làm thủ tục vẫn phải khai báo giấy và xuất trình bản chính Trụ sở chính hoặc văn phòng đại diện của CVHHCT. Đối với tàu biển trường hợp người làm thủ tục do yếu tố khách quan (lỗi hệ thống, các trường hợp đặc biệt khác...) và được đồng ý của người có thẩm quyền.


6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM.PC.07 - Mẫu số 42 - NĐ58	Bản khai chung
2	BM.PC.07 - Mẫu số 57 - NĐ58	Thông báo tàu rời cảng
3	BM.PC.07 - Mẫu số 47 - NĐ58	Danh sách thuyền viên
4	BM.PC.07 - Mẫu số 48 - NĐ58	Danh sách hành khách
5	BM.PC.07 - Mẫu số 58 - NĐ58	Giấy phép rời cảng

7. HỒ SƠ CẦN LƯU .

TT	Hồ sơ lưu
1.	Bản khai chung
2.	Danh sách thuyền viên
3.	Danh sách hành khách (nếu có)

Hoàn chỉnh hồ sơ tàu, vào các sổ sách, bảng biểu, phần mềm thống kê. Lưu hồ sơ theo Thông tư 09/2011/TT-BNV ngày 3 tháng 6 năm 2011

 VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN HOẠT ĐỘNG TUYÊN NỘI ĐỊA RỜI CẢNG BIỂN VÀ TÀU BIỂN ĐÃ NHẬP CẢNG SAU ĐÓ RỜI CẢNG ĐỂ ĐẾN CẢNG BIỂN KHÁC CỦA VIỆT NAM	Mã số: QT.PC.07
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 30/10/2020

BM.PC.07-Mẫu số 57-NĐ58

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Socialist Republic of Vietnam
 Independence - Freedom - Happiness


THÔNG BÁO TÀU RỜI CẢNG
NOTICE OF CLEARANCE OF VESSEL AT THE PORT

1. Tên và loại tàu: Name and type of ship		4. Cảng rời Port of clearance		5. Thời gian rời Time of clearance	
2. Số IMO: IMO number					
3. Hồ hiệu: Call sign					
6. Quốc tịch tàu Flag State of ship		7. Tên thuyền trưởng Name of master		8. Cảng rời cuối cùng/cảng đích: Last port of call/port of destination	
9. Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng) Certificate of registry (Number, date of issue, and Port)		10. Tên và địa chỉ của chủ tàu Name and address of the shipowners			
11. Chiều dài lớn nhất LOA		12. Chiều rộng Breadth		13. Chiều cao tính không Clearance height	
				14. Mớn nước thực tế Shown draft	
15. Tổng dung tích GT		16. Trọng tải toàn phần DWT		17. Đại lý của chủ tàu tại Việt Nam (nếu có) Name of the shipowners' agents in Viet Nam (if any)	
18. Thông tin hàng hóa					
18.1. Loại, tên, số lượng và đơn vị tính hàng hóa xếp tại cảng Kind, name, quantity and unit of cargo on board					
18.2. Loại, tên, số lượng và đơn vị tính hàng hóa dỡ tại cảng Kind, name, quantity and unit of cargo discharging at port					
18.3. Loại, tên, số lượng và đơn vị tính hàng hóa trên tàu trước khi rời cảng Kind, name, quantity and unit of cargo on board before leaving					
19. Số thuyền viên (gồm cả thuyền trưởng): Number of crew (incl. Master)		20. Số hành khách Number of passengers		22. Ghi chú: Remarks	
21. Những người khác trên tàu Other persons on board					

..., ngày ... tháng ... năm 20...

Date

Thuyền trưởng (hoặc đại lý)
 Master (or authorized agent)

 VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN HOẠT ĐỘNG TUYẾN NỘI ĐỊA RỜI CẢNG BIỂN VÀ TÀU BIỂN ĐẢ NHẬP CẢNG SAU ĐÓ RỜI CẢNG ĐỂ ĐẾN CẢNG BIỂN KHÁC CỦA VIỆT NAM	Mã số: QT.PC.07
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 30/10/2020

BM.PC.04-Mẫu số 46-NĐ58

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐIỀU ĐỘNG TÀU THUYỀN


Thời gian Time	Tên tàu Name of ship	Mớn nước Draft	Chiều dài lớn nhất LOA	Trọng tải DWT	Tàu lai Tug boat	Tuyến luồng Chanel	Từ From	Đến To	Đại lý Agent

...Ngày ... tháng năm 20...

Date.....

GIÁM ĐỐC

Director

 VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN HOẠT ĐỘNG TUYẾN NỘI ĐỊA RỜI CẢNG BIỂN VÀ TÀU BIỂN ĐẢ NHẬP CẢNG SAU ĐÓ RỜI CẢNG ĐỂ ĐẾN CẢNG BIỂN KHÁC CỦA VIỆT NAM	Mã số: QT.PC.07
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 30/10/2020

BM.PC.07 - Mẫu số 42 - NĐ58

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM


Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Socialist Republic of Vietnam

Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI CHUNG
GENERAL DECLARATION

		Đến Arrival	x	Rời Departure
1.1 Tên và loại tàu: Name and type of ship		2. Cảng đến/rời Port of arrival/departure		3. Thời gian đến/rời cảng Date - time of arrival/departure
1.2 Số IMO: IMO number				
1.3 Hồ hiệu: Call sign				
1.4 Số chuyến đi: Voyage number				
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship	5. Tên thuyền trưởng: Name of master	6. Cảng rời cuối cùng/cảng đích: Last port of call/next port of call		
7. Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng): Certificate of registry (Port, date; number)		8. Tên và địa chỉ liên lạc của người làm thủ tục: Name and contact details of the procedurer		
9. Tổng dung tích: Gross tonnage	10. Dung tích có ích: Net tonnage			
11. Vị trí tàu tại cảng: Position of the ship in the port (berth or station)				
12. Đặc điểm chính của chuyến đi: Brief particulars of voyage				
Các cảng trước: Previous ports of call				
Các cảng sẽ đến: Subsequent ports of call				
Các cảng sẽ dỡ hàng: Ports where remaining cargo will be discharged				
Số hàng còn lại: Remaining cargo				
13. Thông tin về hàng hóa vận chuyển trên tàu: Description of the cargo				
Loại hàng hóa Kind of cargo	Tên hàng hóa Cargo name	Số lượng hàng hóa The quantity of cargo	Đơn vị tính Unit	
Thông tin về hàng hóa quá cảnh Description of the cargo in transit				
Loại hàng Kind of cargo	Tên hàng hóa Cargo name	Số lượng hàng hóa The quantity	Số lượng hàng hóa quá cảnh xếp dỡ	Đơn vị tính Unit


 VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN HOẠT ĐỘNG TUYẾN NỘI ĐỊA RỜI CẢNG BIỂN VÀ TÀU BIỂN ĐẢ NHẬP CẢNH SAU ĐÓ RỜI CẢNG ĐỂ ĐẾN CẢNG BIỂN KHÁC CỦA VIỆT NAM	Mã số: QT.PC.07
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 30/10/2020

		of cargo	tại cảng The quantity of cargo in transit loading, discharging	
14. Số thuyền viên (gồm cả thuyền trưởng) Number of crew (incl. master)	15. Số hành khách Number of passenger	16. Ghi chú (Món nước mũi, lái, trọng tải toàn phần, chiều dài lớn nhất, chiều rộng lớn nhất, chiều cao tính không) và các thông tin cần thiết khác (nếu có).		
Tài liệu đính kèm (ghi rõ số bản) Attached documents (indicate number of copies)		Remarks (Draft, DWT, LOA, Breadth, Clearance height) and others (If any)		
17. Bản khai hàng hóa: Cargo Declaration	18. Bản khai dự trữ của tàu Ship's Stores Declaration			
19. Danh sách thuyền viên Crew List	20. Danh sách hành khách Passenger List	21. Yêu cầu về phương tiện tiếp nhận và xử lý chất thải The ship's requirements in terms of waste and residue reception facilities		
22. Bản khai hành lý thuyền viên(*) Crew's Effects Declaration(*)	23. Bản khai kiểm dịch y tế(*) Maritime Declaration of Health(*)			
24. Mã số Giấy phép rời cảng (*) Number of port clearance				

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Date

Thuyền trưởng (đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master (or authorized agent or officer)

 VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN HOẠT ĐỘNG TUYÊN NỘI ĐỊA RỜI CẢNG BIỂN VÀ TÀU BIỂN ĐÃ NHẬP CẢNG SAU ĐÓ RỜI CẢNG ĐỂ ĐẾN CẢNG BIỂN KHÁC CỦA VIỆT NAM	Mã số: QT.PC.07
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 30/10/2020

BM.PC.07 - Mẫu số 47 - NĐ58

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Socialist Republic of Vietnam
 Independence - Freedom - Happiness


DANH SÁCH THUYỀN VIÊN
CREW LIST

	Đến Arrival	x	Rời Departure	Trang số: Page No:	
1.1 Tên tàu: Name of ship	2. Cảng đến/rời: Port of arrival/departure		3. Ngày đến/rời: Date of arrival/departure		
1.2 Số IMO: IMO number	1.3 Hồ hiệu: Call sign		1.4 Số chuyến đi: Voyage number		
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship			5. Cảng rời cuối cùng: Last port of call		
STT No.	Họ và tên Family name, given name	Chức danh Rank of rating	Quốc tịch Nationality	Ngày và nơi sinh Date and place of birth	Loại và Số giấy tờ nhận dạng (Hộ chiếu của thuyền viên) Nature and No. of identity document (seaman's passport)

....., ngày tháng năm 20 ...

Date.....

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
 Master (Authorized agent or officer)

 VINAMARINE CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ	QUY TRÌNH THỦ TỤC TÀU BIỂN HOẠT ĐỘNG TUYÊN NỘI ĐỊA RỜI CẢNG BIỂN VÀ TÀU BIỂN ĐÃ NHẬP CẢNG SAU ĐÓ RỜI CẢNG ĐỂ ĐẾN CẢNG BIỂN KHÁC CỦA VIỆT NAM	Mã hiệu: QT.PC.07
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 30/10/2020

BM.PC.07 Mẫu số 48 - NĐ58

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Socialist Republic of Vietnam
 Independence - Freedom - Happiness

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH
PASSENGER LIST

		Đến Arrival	x	Rời Departure	Trang số: Page No:		
1.1 Tên tàu: Name of ship		2. Cảng đến/rời: Port of arrival/departure		3. Ngày đến/rời: Date of arrival/departure			
1.2 Số IMO: IMO number		1.3 Hồ hiệu: Call sign		1.4 Số chuyến đi: Voyage number			
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship							
Họ và tên Family name, given name	Quốc tịch Nationality	Ngày và nơi sinh Date and place of birth	Loại Hộ chiếu Type of identity or travel document	Số hộ chiếu Serial number of identity or travel document	Cảng lên tàu Port of embarkation	Cảng rời tàu Port of disembarkation	Hành khách quá cảnh hay không Transit passenger or not

....., ngày ... tháng năm 20 ...

Date.....

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)

Master (Authorized agent or officer)



QUY TRÌNH
THỦ TỤC TÀU BIỂN HOẠT ĐỘNG
TUYÊN NỘI ĐỊA RỜI CẢNG BIỂN VÀ
TÀU BIỂN ĐẢ NHẬP CẢNH SAU ĐÓ
RỜI CẢNG ĐỂ ĐẾN CẢNG BIỂN
KHÁC CỦA VIỆT NAM

Mã hiệu:	QT.PC.07
Lần ban hành:	01
Ngày ban hành:	30/10/2020

BM.PC.07 - Mẫu số 58 - ND58

<p align="center"> CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Cảng vụ hàng hải..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----- GIẤY PHÉP RỜI CẢNG PORT CLEARANCE Giấy phép rời cảng số:..... Tên tàu:..... Quốc tịch tàu:..... Dung tích toàn phần:..... Số lượng thuyền viên:..... Số lượng hành khách:..... Hàng hóa trên tàu:..... Hàng hóa quá cảnh:..... Rời cảng hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm..... Có hiệu lực đến.....giờ.....ngày.....tháng.....năm..... Cảng đến..... Cấp.....giờ.....ngày...../...../..... <p align="right">GIÁM ĐỐC</p> </p>	<p align="center"> CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Vietnam Maritime Administration Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Cảng vụ hàng hải..... Socialist Republic of Vietnam The Maritime Administration of..... Independence - Freedom - Happiness ----- GIẤY PHÉP RỜI CẢNG PORT CLEARANCE Tên tàu:..... Quốc tịch tàu:..... Hồ hiệu:..... Name of ship Flag State of ship Call sign Dung tích toàn phần:.....Tên thuyền trưởng:..... Gross tonnage Name of master Số lượng thuyền viên:.....Số lượng hành khách:..... Number of crews Number of passenger Hàng hóa trên tàu:..... Cargo Hàng hóa quá cảnh:..... Transit cargo Thời gian rời cảng:.....giờ.....ngày.....tháng.....năm..... Time of departure Date Cảng đến:..... Next port of call Giấy phép rời cảng này có hiệu lực đến...giờ...ngày...tháng...năm... This port clearance is valid until Giấy phép số:...../CV..... N° <p align="right">Ngày.....tháng.....năm 20.... Date..... GIÁM ĐỐC Director</p> </p>
--	--